

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

Đỗ Đức Bình

Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: binhdd302@yahoo.com

Ngày nhận: 8/8/2016

Ngày nhận bản sửa: 15/9/2016

Ngày duyệt đăng: 5/10/2016

Tóm tắt:

Hội nhập kinh tế quốc tế đưa lại cho mỗi quốc gia những cơ hội và thách thức không giống nhau. Điều đó tùy thuộc vào tiềm năng và khả năng tận dụng của mỗi quốc gia. Thực tiễn thế giới đã chứng minh không có quốc gia nào luôn luôn thất bại, thua thiệt trong hội nhập. Nếu quốc gia tích cực cải cách và năng động thì cơ hội luôn nhiều hơn thách thức. Chính việc tận dụng có hiệu quả các cơ hội do hội nhập mang lại đã tạo đà và động lực to lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia trong phân công lao động và hợp tác quốc tế.

Từ khóa: Hội nhập kinh tế quốc tế; hạn chế, bất cập; quan điểm; giải pháp đột phá.

Opinions on Vietnam's integration into international economic in the new context and breakthrough solutions

Abstract:

International economic integration provides different opportunities and challenges for different countries. It depends on each country's potentials and ability to take advantage. Worldwide practice has proved that no country would only fail and lose in integration. If the country reforms actively and dynamically, there would always be opportunities rather than challenges. The ability to take advantage of the opportunities from integration has created momentum and has brought tremendous impetus for the country's socio - economic development in labor division and international cooperation.

Keywords: International economic integration; limitation, shortcoming; opinions, breakthrough solutions

1. Đặt vấn đề

Trong 30 năm đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã đưa lại nhiều thành tựu to lớn cho sự phát triển kinh tế- xã hội những năm qua. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng bên cạnh việc tận dụng các cơ hội do hội nhập mang lại, trong 30 năm qua, Việt Nam cũng bỏ lỡ nhiều cơ hội và chính các cơ hội này lại chuyên hóa thành thách thức mới làm cho nền kinh tế và đất nước gặp phải không ít rủi ro, tổn thất. Từ đây đặt ra các yêu cầu cần phải nhận diện, đánh giá đúng những hạn chế, bất cập và nguyên nhân dẫn đến những hạn chế bất cập về hội

nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ 30 năm đổi mới. Trên cơ sở đó, đề xuất những quan điểm và giải pháp có tính đột phá về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới của quốc tế, khu vực và trong nước nhằm tận dụng tốt các cơ hội, giảm thiểu các thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.

2. Những hạn chế chủ yếu về hội nhập kinh tế quốc tế trong 30 năm đổi mới (1986- 2016) và nguyên nhân

Thứ nhất, hội nhập với bên ngoài được đẩy mạnh, hội nhập bên trong rất chậm, thậm chí rất yếu. Thực

tế đã chỉ ra rằng trong gần 30 năm qua, Việt Nam tích cực hội nhập bên ngoài. Cụ thể là tích cực đổi mới, mở rộng hợp tác quốc tế với hầu hết các quốc gia không phân biệt chế độ chính trị khác nhau. Theo đó, Việt Nam đã tham gia vào nhiều định chế kinh tế quốc tế, tích cực ký kết tham gia các hiệp định song phương và đa phương với nhiều quốc gia trên thế giới. Trong khi đó, hội nhập bên trong chưa thực sự được chú ý, cụ thể là chưa tích cực cải cách bên trong theo hướng kinh tế thị trường và hội nhập, hầu hết các doanh nghiệp và người dân không nắm được các thông tin về đàm phán và cam kết hội nhập.

Điều này được thể hiện ở chỗ việc điều chỉnh, bổ sung hệ thống luật pháp, các quy định, chính sách về quản lý hoạt động kinh tế cũng như đổi mới và tái cơ cấu kinh tế của đất nước diễn ra chậm, chưa kịp thời; việc cải cách hành chính, cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước, hệ thống ngân hàng và các thiết chế xã hội chưa phù hợp với nền kinh tế thị trường, chưa theo kịp với tiến trình hội nhập quốc tế. Hầu hết các doanh nghiệp và người dân không sẵn sàng với hội nhập nên rủi ro lớn và do đó làm chậm bước đi của quá trình hội nhập.

Thứ hai, tư duy, nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế và vấn đề độc lập tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hoá (Đỗ Đức Bình, 2011).

Trên thực tế, do chưa thực sự nhận thức đúng và khách quan về phát huy nội lực và ngoại lực nên đã coi hội nhập luôn chỉ là cơ hội, yếu tố bên ngoài, chứ không phải là động lực, là yếu tố quyết định quá trình phát triển. Khi đánh giá, xem xét nguồn lực vẫn thể hiện cách hiểu tách biệt “nội lực và ngoại lực”, nên khó kết hợp chúng thành sức mạnh tổng hợp, thống nhất trong phát triển và do đó dẫn đến làm giảm hiệu quả sử dụng các nguồn lực, làm giảm sức thu hút đối với nguồn lực bên ngoài. Điều này thể hiện rất rõ ở sự tách biệt, thiếu gắn kết của khu vực kinh tế trong nước với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Chính do sự thiếu gắn kết nên đã làm kém tính hấp dẫn của môi trường đầu tư và hấp dẫn đối với các công ty đa quốc gia tại Việt Nam. Bên cạnh việc coi hội nhập chỉ là cơ hội, yếu tố bên ngoài, chúng ta mới chỉ dừng lại ở việc coi hội nhập chỉ là yếu tố góp phần vào tăng trưởng, phát triển kinh tế ở từng thời điểm, chứ chưa thấy rõ nó đóng vai trò to lớn để phát triển lâu dài đối với nền kinh tế nước ta. Nhận thức như vậy dẫn đến quan niệm về hội nhập là tranh thủ cơ hội, chớp lấy thời cơ,

chứ chưa phải chủ động để thu hút, tạo điều kiện và tăng lòng tin và sự yên tâm cho các công ty nước ngoài kinh doanh lâu dài ở nước ta.

Gắn liền với hội nhập quốc tế, Việt Nam cũng chưa có cách hiểu mới và đầy đủ mang tính đột phá về nội hàm khái niệm độc lập tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hoá. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, cách hiểu độc lập tự chủ (trong đó có kinh tế) của ta hiện nay vẫn thiên về phòng thủ, đối phó, chưa tạo thuận lợi hoá các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, chưa tôn trọng nguyên tắc tự do cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường và hội nhập. Điều đó dẫn đến tâm lý chung (kể cả ở cấp lãnh đạo và doanh nghiệp) là do dự, chần chừ, thậm chí lo sợ cải cách mạnh thể chế chính trị, kinh tế, và do đó thường ở vào thế bị động, lúng túng.

Tư tưởng cục bộ, ngắn hạn, chỉ quan tâm lợi ích nhóm, coi nhẹ lợi ích dân tộc và cộng đồng, nặng về xử lý tình huống trong hội nhập là một nguyên nhân chủ yếu làm trì trệ trong tư duy, do dự trong hành động của các cấp lãnh đạo, các Bộ, ngành địa phương và doanh nghiệp. Tư tưởng cục bộ, cơ hội, đề cao lợi ích nhóm, ngắn hạn đã dẫn đến níu kéo cơ chế bao cấp, bảo hộ, tạo ra sự không bình đẳng, công bằng là lực cản đối với hội nhập và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

Thứ ba, nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế chưa thật đầy đủ và vẫn có sự gò bó “về tư duy, quan điểm”. Đổi mới tư duy vẫn chưa mang tính hệ thống, còn mang tính chấp vá. Vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, doanh nghiệp và người dân thể hiện sự “do dự”, “chậm trễ” trong đổi mới, hội nhập và do đó đã gây cản trở đối với sự phát triển kinh tế thị trường và hội nhập của đất nước, địa phương. Gắn liền với tình trạng này hoặc là việc quá đề cao yếu tố bên trong, coi nhẹ yếu tố bên ngoài, hoặc là việc quá đề cao yếu tố bên ngoài, coi nhẹ yếu tố bên trong. Cả hai trường hợp này đều làm giảm khả năng tận dụng cơ hội, gia tăng thách thức và do đó tạo ra sự phát triển thiếu bền vững và nguy cơ đưa đất nước khó thoát ra khỏi bẫy thu nhập trung bình.

Thứ tư, bất cập trong tư duy, nhận thức về nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp và hàng hoá của Việt Nam. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế quyết định hiệu quả của tiến trình hội nhập. Trong gần 30 năm đổi mới, mặc dù đã có nhiều tiến bộ, thành công nhưng so với các nước trong khu vực và thế giới, nhìn chung năng lực cạnh tranh quốc gia và doanh nghiệp của Việt Nam còn

thấp và chậm được cải thiện. Hai nhóm yếu tố quan trọng nhất quyết định cạnh tranh quốc tế là năng lực thể chế và năng lực công nghệ chậm được cải thiện. Điều này đã thể hiện một thực tế là cải cách thể chế mặc dù vài năm gần đây đã được chú trọng, nhưng vẫn còn nhiều bất cập. Điều đó dẫn đến nạn tham nhũng đang gây nhức nhối, bức xúc trong xã hội, sự gây phiền hà của các cơ quan hành chính Nhà nước cùng với thực thi pháp luật không triệt để, chưa tạo môi trường thuận lợi để phát triển các ý tưởng sáng tạo công nghệ và thu hút công nghệ hiện đại.

Thứ năm, tư duy về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế cũng đang là trở ngại không nhỏ đối với sự phát triển.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn đang tiếp tục chuyển sang nền kinh tế thị trường và hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới. Điều đó đòi hỏi sự can thiệp, quản lý của Nhà nước cũng phải tuân thủ các nguyên tắc thị trường và các cam kết kinh tế quốc tế đã ký. Nhưng cả về thể chế và hành động vẫn mang nặng dấu ấn của cơ chế cũ, chưa thực sự tôn trọng nguyên tắc tự do cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Nhà nước chưa thực sự là Nhà nước pháp quyền. Không ít cơ chế chính sách chậm thay đổi hoặc thay đổi không đồng bộ, thiếu nhất quán, thậm chí không muốn thay đổi vì ảnh hưởng đến lợi ích cục bộ - lợi ích nhóm. Trên thực tế, hệ thống luật pháp, chính sách vẫn thiếu, chưa đồng bộ, chưa minh bạch. Nhiều luật pháp, chính sách đã có hiệu lực nhưng thiếu các văn bản hướng dẫn hoặc các văn bản thiếu nhất quán, không kịp thời, gây khó khăn cho việc thực thi và tổn kém chi phí không chính thức cho doanh nghiệp và người dân. Thêm vào đó, sự can thiệp, quản lý nhiều khi chỉ mang tính tình thế, không bài bản, sự thiếu phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành, nhiều khi quá chú trọng đến nhóm lợi ích, thậm chí bị nhóm lợi ích chi phối, xem nhẹ lợi ích của cộng đồng. Công tác chỉ đạo mang tính chung chung, thiếu cụ thể.

Nguyên nhân chủ yếu của các bất cập trên một phần do nhận thức vận dụng các học thuyết kinh tế, các kinh nghiệm thành công của các quốc gia trên thế giới chưa thực sự mang tính khách quan, khoa học, còn có biểu hiện áp đặt chủ quan không tuân thủ các quy luật, nguyên tắc của kinh tế thị trường và hội nhập. Việc đánh giá những kết quả, những việc đã làm được vẫn thiên về bệnh thành tích. Trên thực tế, mình chỉ so với mình ít khi so sánh với nước

khác để thấy thực sự thành tích là có, nhưng vẫn thật lùi so với nhiều quốc gia khác, đặc biệt là phải thừa nhận nhiều chính sách của ta còn bấp bênh.

Tư duy nhận thức về vấn đề độc lập tự chủ chưa đầy đủ và toàn diện, giải quyết không tốt mối quan hệ giữa hội nhập và độc lập tự chủ, trong đó có độc lập tự chủ về kinh tế.

Ngoài ra, có một số nguyên nhân khác như do công tác tuyên truyền, phổ biến các thông tin về đàm phán hội nhập và nâng cao năng lực, kỹ năng,... trong hội nhập kinh tế quốc tế chưa hiệu quả. Chúng ta chưa thật tích cực “cải cách chính mình” về mọi mặt, trong đó có thể chế kinh tế thị trường cho tương thích với thông lệ và cam kết quốc tế và chưa triển khai một chiến lược bài bản về hội nhập kinh tế quốc tế. Mặt khác, đội ngũ nguồn nhân lực về hoạch định và thực thi chính sách hội nhập quốc tế ở nước ta vẫn đang thiếu những người “có tâm”, “có tầm”, lắng nghe nghiêm túc và tiếp thu có hiệu quả các ý kiến phản biện của các chuyên gia, người dân và doanh nghiệp.

3. Bối cảnh mới của quốc tế, khu vực và trong nước ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam

3.1. Bối cảnh mới của quốc tế, khu vực

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển nhanh như vũ bão đang và sẽ tác động đến tất cả các quốc gia

Chính sự tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thực tế đã minh chứng rằng quốc gia nào tận dụng tốt mặt tích cực sẽ có sự thay đổi đột biến, đáng kinh ngạc về tốc độ tăng trưởng, phát triển kinh tế; Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tối ưu hơn, nền văn minh của nhân loại nói chung, quốc gia nói riêng chuyển sang nền văn minh mới – văn minh trí tuệ; Theo đó, kinh tế tri thức được hình thành, coi trọng và phát triển mạnh (ví dụ như sự thay đổi của các thể hệ điện thoại di động, công nghệ thông tin, máy tính, sản phẩm công nghệ cao,...); đồng thời, các ngành công nghiệp truyền thống như cơ khí, luyện kim đen, đóng tàu,... dần dần bị xé bóng, mất vai trò. Điều này đặt ra vấn đề nếu quốc gia nào không thay đổi tư duy để nhận thức về hợp tác quốc tế, không nắm bắt và tận dụng tốt thành tựu của cuộc cách mạng này nhằm đưa đất nước bứt lên thì rất khó khăn trong phát triển và khó vượt qua bẫy thu nhập trung bình.

Những vấn đề mang tính toàn cầu, đặc biệt là

biến đổi khí hậu

Hội nhập kinh tế quốc tế tức là chấp nhận cuộc chơi trong sân chơi chung của khu vực và toàn cầu (tức là phải tuân thủ luật chơi chung, kiêu chơi, chủ thể tham gia cuộc chơi,...).

Chính sự biến đổi khí hậu toàn cầu và khủng bố ở một số quốc gia trong những năm gần đây đã gây bất ổn và tổn thất quá lớn đối với mỗi quốc gia. Điều này đang buộc các quốc gia phải có tư duy mới trong cuộc chơi về hội nhập để cùng chung sức phòng ngừa, giảm thiểu và giải quyết các vấn đề toàn cầu, trong đó có biến đổi khí hậu và khủng bố.

Sự phát triển kinh tế, chính trị của một số nước

Sự trỗi dậy nổi bật của Trung Quốc trong mấy thập kỷ vừa qua; Sự xoay trục chiến lược của Mỹ sang châu Á; Vai trò của Liên Bang Nga đối với Việt Nam ngày càng tăng; Quan hệ giữa Nhật Bản và Trung Quốc về lãnh thổ đang hết sức căng thẳng; Quan hệ hợp tác toàn diện giữa các nước ASEAN ngày càng phát triển.

3.2. Bối cảnh trong nước

Thực tiễn công cuộc đổi mới của Việt Nam trong gần 30 năm qua

Dưới ánh sáng của đường lối đổi mới của Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam và các Đại hội Đảng tiếp theo sau, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều thành công, như nhất quán thực hiện mở rộng hợp tác quốc tế theo phương châm đa dạng hoá và đa phương hoá các đối tác và các hình thức kinh tế đối ngoại. Theo đó, Việt Nam đã mở rộng quan hệ ngoại giao, buôn bán, đầu tư,... với hầu hết các quốc gia, vùng, lãnh thổ trên thế giới; Thể chế kinh tế thị trường đang hình thành và từng bước dần hoàn thiện; Kết cấu hạ tầng vật chất và hạ tầng xã hội từng bước được cải thiện; Đời sống của dân cư ngày càng được nâng cao... Tuy nhiên, trong một số năm gần đây, lòng tin của người dân đối với một số nhà lãnh đạo, công chức trong bộ máy Nhà nước bị suy giảm mạnh so với những năm đầu của đổi mới. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có tư duy mới, thực hiện quyết liệt cải cách để tạo đà mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ khi đó, lòng tin của dân đối với giới lãnh đạo mới trở lại và có xu hướng tăng lên – Đây là một trong những yếu tố quyết định thành công của mọi chủ trương quyết sách.

Tiến trình, lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam (từ năm 2015 và các năm tiếp theo)

- Ngày 31/12/2015, Việt Nam chính thức tham

gia vào cộng đồng ASEAN, trong đó có cộng đồng kinh tế ASEAN. Đồng thời, bắt đầu từ 1/1/2015, Việt Nam hoàn toàn mở cửa thị trường bán lẻ theo cam kết WTO.

- Với quyết tâm của 12 nước thành viên, trong đó có Việt Nam, ngày 04/02/2016, Việt Nam đã ký Hiệp định hợp tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) và dự kiến, đến năm 2018 Hiệp định này sẽ có hiệu lực.

- Năm 2018, Việt Nam sẽ phải thực hiện nền kinh tế thị trường đầy đủ.

- Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa để sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam- Hàn Quốc có hiệu lực từ ngày 20/12/2015. Từ tháng 9/2016, FTA Việt Nam – EU có hiệu lực,...

Tất cả các định hướng hoạt động này đang tiếp tục tác động đến Việt Nam và nếu chúng ta không thay đổi tư duy, không tích cực cải cách mạnh mẽ, hiệu quả hơn thì khó, thậm chí không tận dụng tốt các cơ hội do hội nhập mang lại và do đó sẽ bị thua thiệt lớn trong các cuộc chơi khu vực và toàn cầu và như vậy sẽ không chỉ mất cơ hội mà thách thức đối mặt ngày càng lớn.

4. Quan điểm và giải pháp đột phá về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới

4.1. Các quan điểm

Quan điểm 1: Việc cải cách bên trong phải diễn ra cả đối với cơ quan hoạch định, thực thi và chịu tác động của luật pháp, chính sách. Đi đôi với tích cực hội nhập với bên ngoài, cần phải tích cực hội nhập có hiệu quả bên trong. Quán triệt quan điểm này, đòi hỏi Việt Nam cần tiến hành đồng bộ và có hiệu quả cải cách bên trong theo những cam kết hội nhập đã ký. Việc cải cách bên trong phải diễn ra cả đối với cơ quan hoạch định, thực thi chính sách pháp luật theo hướng tạo dựng những điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp và người dân phát triển nhằm tận dụng tốt các cơ hội, giảm thiểu những thách thức do hội nhập quốc tế và khu vực mang lại.

Quan điểm 2: Nhà nước phải thực sự là Nhà nước kiến tạo cho sự phát triển. Các doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, tích cực tham gia có hiệu quả vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Quán triệt quan điểm này đòi hỏi Nhà nước phải cải cách mạnh mẽ chính

mình về tổ chức bộ máy, về những con người trong bộ máy và thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, lấy hiệu quả hoạt động của bộ máy là mục tiêu tối thượng. Các doanh nghiệp cũng phải cải cách mạnh mẽ theo hướng thị trường; tích cực tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, coi trọng việc đổi mới công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, giữ vững chữ tín vì mục tiêu hiệu quả và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thương trường.

4.2. Một số giải pháp đẩy mạnh hội nhập để phát triển kinh tế xã hội của đất nước

4.2.1. Đổi mới đột phá hơn trong hợp tác và phát triển

Sự kiện Biển Đông cũng như nền kinh tế Việt Nam thời gian qua quá phụ thuộc vào số ít, thậm chí một thị trường nên đã làm cho Việt Nam đối mặt thêm không ít thách thức, cam go. Điều này, càng đòi hỏi Việt Nam không chỉ có tư duy nhận thức mới, mà còn có hành động cụ thể trong các cuộc chơi cho thích ứng với bối cảnh, điều kiện mới. Thích ứng với yêu cầu này, theo chúng tôi, Việt Nam cần thực hiện các biện pháp mạnh mẽ hơn trong hợp tác với các đối tác hợp tác toàn diện, đối tác chiến lược. Chúng tôi đồng tình với quan điểm của PGS.TSKH Võ Đại Lực và nhóm nghiên cứu của đề tài KX.01.06/11-15 “Quan hệ kinh tế của Trung Quốc với các nước láng giềng: Đề xuất chính sách của Việt Nam trong giai đoạn đến năm 2020” cho rằng:

- Vẫn giữ nguyên quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 16 chữ và quan hệ 4 tốt với Trung Quốc, nhưng Việt Nam sẽ giữ vị thế trung lập về an ninh với Trung Quốc. Việt Nam có thể hợp tác với Trung Quốc trên các vấn đề kinh tế - xã hội, văn hóa chống khủng bố, chống tội phạm, đảm bảo an ninh biên giới... nhưng Việt Nam không trở thành đồng minh quân sự với Trung Quốc.

- Việt Nam cần xây dựng và phát triển quan hệ đối tác toàn diện với Mỹ theo hướng phải ngang bằng quan hệ với Trung Quốc.

- Việt Nam cần tận dụng tốt quan hệ đối tác chiến lược với các nước thành viên Hội đồng bảo an Liên hợp quốc như Nga, Anh, Pháp ở mức ngang với quan hệ với Trung Quốc và Mỹ. Đồng thời, cần sớm thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với các nước lớn như Nhật Bản, Ấn Độ, Đức,...

Trước hết cần tận dụng tốt những điểm mạnh của các đối tác hợp tác ở các quốc gia công nghiệp (phát triển) trong các Hiệp định TPP, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam- EU và với liên minh kinh tế Á - Âu. Chỉ có như vậy, Việt Nam mới có điều kiện thuận lợi hơn, an toàn hơn trong phát triển, nhằm đạt không chỉ lợi ích kinh tế, chính trị mà còn giữ vững an ninh quốc phòng, vẹn toàn lãnh thổ quốc gia.

4.2.2. Phải thực sự coi trọng và làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế gắn với yêu cầu phát triển bền vững, phát triển xanh

Việc phổ biến các kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế phải được tiến hành đối với cả cấp lãnh đạo, quản lý và những người tham gia trực tiếp vào quá trình này như các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý doanh nghiệp và người dân, phải làm cho mọi người hiểu rõ hội nhập có nhiều cơ hội hơn thách thức, và trên thực tế chưa có quốc gia nào hội nhập là chết, là đổ vỡ. Tuy nhiên, cũng đừng quá lạc quan với cơ hội mà phải tận dụng tốt cơ hội, tìm cách tạo ra cơ hội để phát triển kinh tế, xã hội,... nhưng cũng đừng quá lo sợ trước thách thức, tiêu cực mà phải có những ứng xử tốt, phải tăng cường liên kết hợp tác, tuân thủ các quy định và thực hiện đúng các cam kết để vượt qua. Bên cạnh việc phổ biến các kiến thức hội nhập, cần chú trọng hơn đến việc nâng cao năng lực, kỹ năng hội nhập cho các cán bộ làm chính sách, cán bộ quản lý kinh doanh,... Chỉ có như vậy, Việt Nam mới tận dụng tốt cơ hội, vượt qua thách thức do tiếp tục mở cửa, hội nhập đưa lại.

4.2.3. Tiếp tục đổi mới “có bước đột phá mới” trong tư duy nhận thức và hành động về hội nhập kinh tế quốc tế với vấn đề độc lập tự chủ nhằm tạo đà, động lực mới cho phát triển

Hội nhập kinh tế quốc tế vừa là động lực, vừa là phương tiện thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội... của đất nước. Hội nhập là để phát triển và phát triển là để hội nhập tốt hơn, hiệu quả hơn. Hội nhập không chỉ tạo điều kiện cho quốc gia phát triển, mà còn tạo điều kiện cho quốc gia có điều kiện, có tư cách pháp nhân tham gia vào cùng xây dựng luật chơi, kiểu chơi, cuộc chơi, sân chơi chung. Đồng thời, cũng tạo điều kiện cho các quốc gia liên kết với nhau để cùng đấu tranh, đàm phán với các quốc gia khác vì lợi ích chung và bình đẳng. Trong điều kiện toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, cần nhận

thức và giải quyết tốt mối quan hệ giữa yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài. Kể cả trong tư duy, nhận thức và chính sách, không nên nhấn mạnh yếu tố này, xem nhẹ yếu tố kia. Tùy thời điểm và điều kiện cụ thể, yếu tố này nổi trội, ưu thế hơn yếu tố kia. Trong đó, yếu tố bên ngoài “ngoại lực” là một bộ phận hữu cơ hợp thành nguồn lực của quốc gia trong quá trình phát triển.

Về vấn đề độc lập tự chủ, thực tế thế giới đã chỉ ra rằng những nước có nền kinh tế mở cửa, hội nhập sâu rộng vào kinh tế khu vực và thế giới, không chỉ thực hiện tự do hoá thương mại, đầu tư và nhiều lĩnh vực khác mà còn hội nhập ở những mức độ cao như thị trường chung, cộng đồng kinh tế, liên minh kinh tế, nhưng lợi ích kinh tế, lợi ích quốc gia của họ không bị vi phạm, nền kinh tế của họ vẫn đảm bảo độc lập tự chủ vững chắc. Chính phủ các nước này vẫn theo đuổi chính sách kinh tế do mình lựa chọn, phúc lợi của nhân dân vẫn được nâng cao.

Mặc dù toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đụng chạm đến vấn đề độc lập tự chủ của mỗi quốc gia, nhưng độc lập tự chủ về kinh tế trong giai đoạn hoà bình phát triển kinh tế phải có những tư duy mới, nhận thức mới. Đó là thực hiện đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ quốc tế, trên nguyên tắc hợp tác bình đẳng cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Xét cho cùng, độc lập tự chủ kinh tế trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách phát triển kinh tế, là quyền tự quyết của quốc gia, dân tộc về vấn đề này, là bảo vệ được lợi ích kinh tế của quốc gia, của doanh nghiệp và người dân. Tuy nhiên, trong điều kiện hội nhập, lợi ích của mỗi quốc gia đều có quan hệ gắn bó với lợi ích chung của cộng đồng, cũng như của các đối tác hợp tác. Vì vậy, việc giữ gìn, bảo vệ lợi ích của mình cần đảm bảo không gây ảnh hưởng, xâm phạm đến lợi ích của đối tác hoặc các thành viên khác. Cũng như vậy, đường lối, chính sách độc lập tự chủ không được phép vi phạm những nguyên tắc, quy chế chung đã thoả thuận, đã cam kết.

Như vậy, đường lối độc lập tự chủ về kinh tế phải thể hiện ở kết quả cuối cùng là làm cho nền kinh tế tăng trưởng và phát triển, là xây dựng một nền kinh tế tiên tiến, hiện đại, có cơ cấu kinh tế tối ưu, đảm bảo phát triển bền vững, hiệu quả, là nâng cao thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống cho người dân (Nguyễn Văn Nam, 2006).

Để xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, hội nhập ngày càng sâu rộng và hiệu quả hơn với nền kinh tế

các quốc gia trong khu vực và thế giới, đòi hỏi phải phối hợp tốt và hài hoà giữa hội nhập và phát triển, giữa độc lập tự chủ và phát triển kinh tế thị trường. Chính kinh tế thị trường phát triển cao mới đề ra xã hội mới và xã hội mới có điều kiện phát triển tốt hơn. Độc lập tự chủ cũng để phát triển, càng phát triển càng có điều kiện nâng cao vị thế độc lập tự chủ.

4.2.4. Tạo cơ chế, chính sách phát huy tối ưu các lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của quốc gia trong phân công lao động và hợp tác quốc tế.

Cần thực hiện quyết liệt và có hiệu quả thực sự trong việc tháo gỡ và giảm các thủ tục phiền hà, sách nhiễu từ phía các nhà quản lý đối với các nhà đầu tư về tiếp cận các nguồn vốn, thủ tục hải quan, thuế,... Để những cải cách này thực sự tạo động lực cho sự phát triển, vấn đề có tính quyết định là phải cải cách chính những con người đang thực thi công việc này.

Xây dựng quy hoạch tổng thể trên cơ sở chiến lược phát triển tổng thể của đất nước và chính sách phát triển ngành, vùng và lĩnh vực một cách khoa học nhằm phát huy có hiệu quả nguồn nội lực, kết hợp với ngoại lực; sớm tạo ra những “đầu tàu” về công nghệ và lan toả tốt về công nghệ nhằm nâng cao mạnh mẽ năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và hàng hoá Việt Nam trên thương trường; sớm tạo dựng được các ngành vừa tạo ra giá trị gia tăng cao, vừa tạo ra những sản phẩm hàng hoá và dịch vụ thay thế nhập khẩu, hướng đến thị trường xuất khẩu. Điều có ý nghĩa quyết định đến tính hiệu quả của đầu tư là cần phải có quy định rõ ràng, chi tiết về công nghệ sử dụng trên cơ sở đánh giá toàn diện những tác động về môi trường, kinh tế và xã hội; cần xây dựng các căn cứ pháp lý thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ; đưa ra các biện pháp khuyến khích cụ thể cho các nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ vào Việt Nam. Chỉ khuyến khích đối với các công nghệ tiên tiến, hiện đại, ít tiêu tốn năng lượng, nguyên liệu, ít phế thải, “công nghệ xanh”; hạn chế và tiến tới việc triệt để loại bỏ công nghệ lạc hậu, bậc trung gây ô nhiễm môi trường.

Xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao cho công tác lập, xây dựng và đánh giá các dự án đầu tư, cũng như hoạt động trong khu vực FDI. Đi đôi với việc bồi dưỡng, đào tạo để có đội ngũ nguồn nhân lực có tính chuyên biệt, là những chuyên gia, những “nhân tài”, cần phải có cơ chế, chính sách tuyên

dụng, sử dụng và đãi ngộ tương xứng với trình độ năng lực, hiệu quả công việc đã thực thi. Cần thực hiện chính sách ưu đãi đặc biệt dành cho các đối tác đầu tư chiến lược (các TNC của các quốc gia có trình độ phát triển cao - top 500 TNC mẹ để có công nghệ nguồn) với sự cam kết thực sự của Nhà nước. Đón bắt tốt các cơ hội do các Hiệp định mà Việt Nam tham gia và có hiệu lực như Hiệp định TPP, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU, Hiệp định với liên minh kinh tế Á- Âu để thu hút đầu tư và công nghệ từ các quốc gia này nhằm hướng vào thực hiện mục tiêu, Việt Nam sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, không tụt hậu so với nhiều nước trong khu vực và thế giới.

Đổi mới, nâng cao chất lượng quản trị nhà nước và quản trị doanh nghiệp, đẩy mạnh xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư có hiệu quả và có tầm nhìn tổng thể và dài hạn. Đi đôi với việc phân cấp đầu tư, cần phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước, trung ương. Thực hiện mạnh mẽ việc “thổi còi” đối với các dự án thu hút FDI (nói riêng) không tuân thủ quy hoạch và chiến lược tổng thể về thu hút FDI đã đề ra.

4.2.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và năng lực quản lý, kiểm tra, giám sát của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Trong bối cảnh mới của hội nhập càng đòi hỏi Việt Nam phải sớm xây dựng cho được một Nhà nước thực sự là Nhà nước Pháp quyền. Tức là, Nhà nước thực hiện việc quản lý, điều hành đất nước và nền kinh tế thị trường chủ yếu bằng luật pháp và các chính sách vĩ mô. Sự can thiệp của Nhà nước phải tuân thủ các nguyên tắc thị trường. Chính phủ phải thực sự là Chính phủ “kiến tạo”, “phục vụ” đất nước và người dân. Mọi sự kiểm tra, giám sát không gây ảnh hưởng, cản trở, ách tắc và sách nhiễu đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh

ngiệp sớm thoát khỏi tình trạng khó khăn như hiện nay, sớm tiến tới phát triển ổn định và bền vững trong môi trường quốc tế có nhiều biến động khó dự đoán. Muốn thực hiện các điều nêu trên, việc cải cách tổ chức bộ máy Nhà nước, nhân lực trong bộ máy, cơ chế hoạt động và thủ tục hành chính và cơ chế kiểm tra, giám sát có vai trò quyết định.

Việc cải cách, đổi mới và hoàn thiện bộ máy quản lý của Nhà nước phải được hiểu là quá trình đổi mới để cải cách chính bản thân Nhà nước nhằm hướng tới mục tiêu tối thượng là củng cố, nâng cao và phát triển năng lực của Nhà nước. Theo chúng tôi, năng lực của bộ máy quản lý Nhà nước chính là năng lực thể chế, năng lực hành chính của nó. Năng lực này được xác định như là khả năng thực hiện, theo dõi, kiểm tra, giám sát và thúc đẩy các hoạt động chung của tập thể và cá nhân một cách hiệu quả. Còn hiệu quả được hiểu là kết quả sử dụng và phát huy các năng lực đó để đáp ứng nhu cầu kinh tế, xã hội về những hàng hoá, dịch vụ mà Nhà nước có thể cung cấp với chất lượng tốt và chi phí thấp nhất theo các mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế, xã hội đã được vạch ra. Với yêu cầu đó, Nhà nước ta phải tiến tới gồm những người có “cái đầu”, có tâm, có tầm, có tính quyết đoán và dám chịu trách nhiệm, luôn sẵn sàng lắng nghe, tiếp thu có chọn lọc các ý kiến của các tham vấn, chuyên gia phân biện khoa học, của các doanh nghiệp và người dân để từ đó đưa ra các quyết định khách quan, đúng và trúng về chính sách và quản lý. Bên cạnh đó, cần có cơ chế thuận lợi cho việc kiểm soát, giám sát từ hai phía (cơ quan quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, các tổ chức và người dân và ngược lại). Tiếp đến, để có Nhà nước mạnh, không những cần thực hiện tốt hơn công việc bỏ phiếu tín nhiệm các chức danh lãnh đạo, mà còn phải có cơ chế tuyển chọn công khai thông qua thi tuyển các chức vụ lãnh đạo, kể cả các nhà lãnh đạo cao nhất của đất nước nhằm tạo ra đội ngũ lãnh đạo thực sự có tâm, có tầm đưa đất nước bứt phá tiến lên ngang tầm với nhiều quốc gia trong khu vực và thế giới. □

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Đức Bình (2011), ‘Hội nhập kinh tế quốc tế với phát triển bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020’, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, 173, 52-55.
- Lương Xuân Quỳnh (2015), *Từ duy mới về phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong bối cảnh mới*, NXB Chính trị Quốc gia - sự thật.
- Nguyễn Văn Nam (2006), *Phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia.